

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS-PT

Ngày 05 - 6 - 2018

V/v: “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được

Ông Nguyễn Đức Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Ninh Thuận;

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Hồng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLPT-DS ngày 06
tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018
của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2018/QĐPT-DS
ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Trung A - sinh năm 1958 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Duy T – sinh năm 1960 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng L - sinh năm 1968 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1956 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị S ủy quyền cho ông Lê Trung A tham gia tố tụng theo văn
bản ủy quyền ngày 10/7/2017.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Trung A trình bày:

Ngày 18/4/1986, vợ chồng ông mua của bà Trương Thị H một căn nhà mái lợp tranh, vách đất và 40 gốc nho gắn liền với 420 m² đất (dài 21 m, ngang 20 m), tọa lạc tại thôn T, xã T.

Năm 1988, vợ chồng ông xây dựng căn nhà chính diện tích 48 m² trên một phần diện tích của 420 m² đất này. Năm 1989, vợ chồng ông xây dựng thêm căn nhà phụ diện tích 15 m² trên một phần diện tích của 420 m² đất nói trên. Căn nhà chính có tấm đan vườn qua đất của căn nhà phụ.

Năm 1990, vợ chồng ông bán cho vợ chồng ông Lê Duy T bà Nguyễn Thị Hồng L căn nhà chính và sân trước căn nhà chính gắn liền với 240 m² đất. Khi mua bán nhà đất, hai bên xác định ranh giới giữa hai nhà là vách tường chung, không tính phần đan. Sau khi mua nhà đất, vợ chồng ông T xây một bức tường từ vách tường cũ ra thẳng sân trước nhà làm ranh giới giữa nhà và đất của vợ chồng ông T bà L mua và nhà đất còn lại của vợ chồng ông.

Năm 1996, vợ chồng ông xây dựng thêm căn nhà trên diện tích đất trống phía trước của căn nhà phụ và sử dụng căn nhà phụ này làm căn bếp.

Năm 1997, căn nhà phụ bị hư hỏng nặng, nên vợ chồng ông đã dỡ bỏ căn nhà phụ. Vì vậy, cánh cửa sổ và đan cửa sổ của căn nhà chính đã bán cho vợ chồng ông T nằm trên đất của vợ chồng ông. Ông có yêu cầu vợ chồng ông T bà L tháo cánh cửa sổ, xây bít cửa sổ và cắt đan cửa sổ, nhưng vợ chồng ông T bà L chỉ tháo cánh cửa sổ, xây bít cửa sổ bằng gạch xi măng mà không cắt tấm đan. Ông T nói ông cứ yên tâm.

Ngày 25/4/2007, Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 711405 cho vợ chồng ông được quyền sử dụng 201 m² đất thuộc Thửa đất 76, tờ Bản đồ 19-a xã T là diện tích đất còn lại mua của bà H.

Tháng 5 năm 2016, ông yêu cầu vợ chồng ông T bà L cắt đan cửa sổ nói trên để vợ chồng ông xây nhà nhưng vợ chồng ông T bà L không làm. Khi thợ đổ móng xây nhà, vợ chồng ông T bà L không có ý kiến gì. Nhưng khi cột sắt đúc trụ, vợ chồng ông T bà L cản trở không cho xây dựng nhà, vì cho rằng diện tích đất dưới tấm đan cửa sổ nói trên là của vợ chồng ông T bà L.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích đất dưới tấm đan cửa sổ thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông; Buộc vợ chồng ông T bà L phải cắt tấm đan cửa sổ.

- Bị đơn ông Lê Duy T trình bày:

Ngày 29/02/1990, vợ chồng ông Lê Trung A bà Nguyễn Thị S bán cho vợ chồng ông một căn nhà ngói gắn liền với 240 m² đất. Phía Tây của căn nhà này có 01 tấm đan cửa sổ có bề ngang 0,4 m.

Khoảng 20 ngày sau khi mua nhà đất, vợ chồng ông xây tường nối từ vách nhà đã mua thẳng ra phía trước sân, nhưng không xây hết đất để không ảnh hưởng đến móng nhà của vợ chồng ông A bà S.

Ngày 05/3/1990, ông Lê Văn T có cho vợ chồng ông 1,2 m đất mặt đường đi phía Đông nhà ông T giáp với nhà vợ chồng ông mua của vợ chồng ông A.

Ngày 04/02/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4401100146, diện tích 231.58 m² đất cho vợ chồng ông. Trong 231.58 m² đất này có cả diện tích ngang 1,2 m dài hết đất mà ông Lê Văn T đã cho vợ chồng ông. Ông không biết lý do tại sao diện tích đất được cấp giảm so với diện tích đất đã mua của vợ chồng ông A bà S và được ông T cho, nhưng vợ chồng ông không khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận này.

Sau đó năm nào ông không nhớ, vợ chồng ông đã tháo cánh cửa sổ của căn nhà mua của vợ chồng ông A bà S, xây bít cửa sổ bằng gạch, xi măng, nhưng vẫn để lại đan cửa sổ để xác định diện tích đất dưới tấm đan cửa sổ thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A, vì diện tích đất dưới tấm đan cửa sổ này là của vợ chồng ông.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị S trình bày:** Bà là vợ của ông Lê Trung A. Bà đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông A.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Bị đơn, bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:** Bà là vợ của ông Lê Duy T. Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

- Áp dụng: Các điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Trung Ân.

Công nhận 06 m² đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Lê Trung A bà Nguyễn Thị S, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 711405 ngày 25/4/2007.

(Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2007 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh P thì diện tích đất này được ký hiệu 3, 4, 27, 37, 35, 34, 33, 18, 19, 42, 40, 39, 38, 25).

Buộc vợ chồng ông Lê Duy T bà Nguyễn Thị Hồng L phải tháo dỡ tám đan có chiều dài 01 m, chiều ngang 0,4 m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, Bị đơn ông Lê Duy T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông; Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy bản án dân sự sơ thẩm nói trên.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Lê Trung A tranh luận:
Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lê Duy T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn ông Lê Duy T tranh luận:

Diện tích đất tranh chấp là của vợ chồng ông T. Vì vợ chồng ông mua nhà của ông A cách đây đã 28 năm. Việc mua bán đã hoàn tất, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của ông; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Bị đơn ông Lê Duy T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, Bị đơn và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có mặt tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 294 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Lê Trung A không rút đơn khởi kiện; Người kháng cáo ông Lê Duy T không thay đổi, bổ sung, không rút một phần hoặc toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” được quy định trong Bộ luật dân sự là có cơ sở và đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Duy T có nội dung: Diện tích đất tranh chấp là của vợ chồng ông T bà L; Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Giấy sang nhà ở ngày 18/4/1986 có chữ ký của người bán Trương Thị H, người mua Lê Trung A, người thân trong gia đình của bà H là các ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T, có xác nhận và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã T (BL 55) do Nguyên đơn ông Lê Trung A nộp cho Tòa án kèm theo Đơn khởi kiện có nội dung: Bà Trương Thị H ở Đội 4, Hợp tác xã T, xã T bán cho ông Lê Trung A một căn nhà tranh vách đất, diện tích 420 m² (dài 21m, rộng 21m) xung quanh trồng 40 gốc nho với giá 20.000 đồng, đoạn đường từ nhà ra dài 20m, rộng 02m nằm trong lô gia cư ông A được toàn quyền sử dụng...

.- Tại Giấy bán nhà ngày 29/02/1990 có chữ ký của bên bán ông Lê Trung A bà Nguyễn Thị S, bên mua ông Lê Duy T bà Nguyễn Thị Hồng L, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T (Bản photo công chứng, BL 36) do Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L nộp cho Tòa án có nội dung: Vợ chồng ông A bà S bán cho vợ chồng ông T bà L ngôi nhà trệt, lợp ngói, tường gạch, nền xi măng, sân xi măng diện tích đất 240 m², diện tích xây cất 90 m² ở Đội 4, xã T với giá 1.500.000 đồng.

- Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 711405 ngày 25/4/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố P (BL 15) thể hiện: Vợ chồng ông Lê Trung A bà Nguyễn Thị S được quyền sử dụng 201 m² đất thuộc Thửa số 76, Tờ bản đồ địa chính 19 -a; Địa chỉ thửa đất: xã T. Theo Sơ đồ thửa đất trong Giấy chứng

nhận này thì ranh giới giữa Thửa 76 và Thửa 77 của vợ chồng ông T bà L là một đường thẳng.

- Tại Giấy cho 1,2m đất mặt đường đi phía Đông đề ngày 05/3/1990 có chữ ký của ông Lê Văn T, Người làm chứng Mai Anh D (bản photo, viết tay, BL 38) có nội dung: Giấy cho 1,2m đất mặt đường đi phía Đông nhà tôi, phía Tây giáp nhà Lê Duy T mua của Lê Trung A 240 m² gồm nhà ở và đất ở, phía Nam giáp nhà bà Th, gia đình tôi tự nguyện cho gia đình Lê Duy T để xây công trình phụ phục vụ sinh hoạt gia đình.

- Tại Phiếu đề xuất giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở ngày 02/01/2002 của Trung tâm quy hoạch kiểm định chất lượng – Sở Xây dựng tỉnh Ninh Thuận do ông Lê Trung A nộp cho Tòa án kèm theo Đơn khởi kiện (BL 25) thể hiện: Theo đo đạc thực tế diện tích đất của vợ chồng ông Lê Duy T bà Nguyễn Thị Hồng L là 255,49 m²; Diện tích đất được công nhận là 231,58 m²; Diện tích đất không được công nhận do vi phạm quy hoạch 24,91 m².

- Tại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4401100146 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 04/02/2002 cho vợ chồng ông Lê Duy T bà Nguyễn Thị Hồng L (BL 26) thể hiện: Ông Lê Duy T bà Nguyễn Thị Hồng L được quyền sử dụng thửa đất số 77, Tờ bản đồ số 19-a, diện tích 231,58m². Theo Sơ đồ thửa đất trong Giấy chứng nhận này thì ranh giới giữa Thửa 77 và Thửa 76 của vợ chồng ông A bà S là một đường thẳng.

- Tại Bản khai ngày 14/4/2017 (BL 45), Đơn trình bày ngày 19/4/2017, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 14/8/2017 (BL 44), Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 30/01/2018 (BL 138 - 144) và tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn ông Lê Duy T trình bày: Ngày 29/02/1990, vợ chồng ông mua nhà đất của vợ chồng ông A bà S. Sau khi mua nhà khoảng 20 ngày, vợ chồng ông đã xây tường rào nối từ vách tường của căn nhà thẳng ra phía trước sân. Năm 2003, vợ chồng ông A cũng xây tường rào, khi xây tường rào các bên không xảy ra tranh chấp. Hiện trạng, ranh giới giữa hai nhà từ khi mua bán đến nay không thay đổi

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/8/2017 do Tòa án nhân dân thành phố P lập (BL 37) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày: ... Khi mua đất phía trước của căn nhà để đất trống hai bên chưa xây tường rào khoảng ba năm sau vợ chồng bà xây tường phía trước. Tường hiện nay đã xây nhiều lần, xây chắp vá. Khi xây tường rào thì xây từ vách nhà ra, không để ý tầm đan.

- Tại Giấy xác nhận ngày 03/7/2017 (BL 57) và Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2017 do Tòa án nhân dân thành phố P lập (BL 69), Người làm chứng ông Nguyễn Thành Q trình bày: Ông sống tại thôn T đã rất lâu, nhà ông ở phía sau nhà của ông Lê Trung A và nhà của ông Lê Duy T. Ông làm tổ tự quản từ

năm 2000 đến năm 2015 thì nghỉ hưu do sức khỏe yếu. Vợ chồng ông T mua nhà của vợ chồng ông A từ trước khi ông làm tổ tự quản. Sau khi mua nhà, vợ chồng ông T xây tường rào trước. Sau đó một thời gian, vợ chồng ông A xây tường rào. Khi các bên xây tường rào vợ chồng ông A và vợ chồng ông T không tranh chấp, hiện trạng hiện nay vẫn còn nguyên vẹn.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2017 Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng L (BL 68) trình bày: Bà có tham gia buổi hòa giải ngày 14/6/2016 tại Thôn T và là người ghi biên bản hòa giải. Nội dung buổi hòa giải là ông T làm đơn tranh chấp tẩm đan với ông A. Sau khi các bên trình bày ý kiến, tổ hòa giải có ý kiến tại trang thứ 4 như sau: “Tổ hòa giải đã xuống hiện trường xem xét và thấy rằng tẩm đan cửa sổ được xây dựng trên ngôi nhà của gia đình ông T đang ở nhưng nằm trên phần đất của ông A”. Không phải nằm bên phần đất của ông T, chữ “TU” là do có người khác ghi thêm vào. Tổ hòa giải có gặp bà L vợ ông T, bà L đồng ý cưa tẩm đan để ông A xây nhà. Biên bản hòa giải này, tổ hòa giải không giữ mà nộp lại cho xã T. Bà ở đây từ năm 1993, ranh giới nhà ông A và nhà ông T không thay đổi.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 14/6/2016 tại thôn T (BL 49) có nội dung:... ông Lê Duy T không đồng ý cưa tẩm đan, vì lý do ông A không tốt. Bà L đồng ý cưa tẩm đan để gia đình ông A xây nhà được thuận lợi.

- Tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh P (BL 118) thể hiện:

+ Diện tích đất vợ chồng ông A bà S đang quản lý, sử dụng tương ứng với Thửa đất số 07 (thể hiện qua các điểm 24, 2, 3, 25, 38, 39, 40, 42, 19, 20, 21, 22) là 187,1 m² giảm 13,9 m² so với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI711405 ngày 25/4/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố P cấp cho vợ chồng ông Lê Trung A bà Nguyễn Thị S là 201 m².

+ Diện tích đất vợ chồng ông T bà L đang quản lý, sử dụng tương ứng với Thửa đất số 08 (thể hiện qua các điểm 4, 5, 28, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 31, 32, 16, 17, 18, 33, 34, 35, 37, 26) là 260,38 m² tăng 28,8 m² so với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4401100146 ngày 04/02/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho vợ chồng ông Lê Duy T bà Nguyễn Thị Hồng L là 231,58 m².

+ Diện tích đất tranh chấp thuộc các điểm 3, 4, 27, 37, 35, 34, 33, 18, 19, 42, 40, 39, 38, 25 là 06 m².

Theo Trích lục Bản đồ địa chính này thì 06 m² đất đang tranh chấp giữa vợ chồng ông A bà S với vợ chồng ông T bà L, nằm trong diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông A bà S.

Xét thấy: Sau khi mua nhà đất của vợ chồng ông A bà S, vợ chồng ông T bà Loan đã xây tường rào từ vách căn nhà đã mua ra thẳng ra phía trước sân, sau đó tháo cánh cửa sổ, xây bít cửa sổ bằng gạch xi măng. Từ ngày 29/02/1990 đến tháng 5/2016, vợ chồng ông A bà S sử dụng diện tích dưới tấm đan cửa sổ này và vợ chồng ông T bà L biết rõ nhưng không có ý kiến gì. Vì vậy, đủ cơ sở xác định vợ chồng ông T bà L đã xác định ranh giới đất của mình là từ tường căn nhà đã mua và hàng rào mới xây.

Với các tài liệu chứng cứ nói trên; Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Trung A công nhận diện tích 06m² đất thuộc các điểm 3, 4, 27, 37, 35, 34, 33, 18, 19, 42, 40, 39, 38, 25 theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2007 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Lê Trung A bà Nguyễn Thị S; Buộc vợ chồng ông T bà L phải cắt bỏ tấm đan cửa sổ trên 06 m² đất này là cơ sở và đúng pháp luật.

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm; Việc thu thập chứng cứ và chứng minh đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Không có vi phạm khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của Bị đơn ông Lê Duy T; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những căn cứ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- **Tuyên xử:** Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của Bị đơn ông Lê Duy T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- **Áp dụng:** Các Điều 26, 35, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Trung A.

+ Công nhận 06 m² đất thuộc các điểm 3, 4, 27, 37, 35, 34, 33, 18, 19, 42, 40, 39, 38, 25 theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2007 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Lê Trung Abà Nguyễn Thị S, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 711405 ngày 25/4/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố P.

+ Buộc vợ chồng ông Lê Duy T bà Nguyễn Thị Hồng L phải tháo dỡ tấm đan cửa sổ có chiều dài 01 m, chiều ngang 0,4 m nằm trên 06 m² đất thuộc các điểm 3, 4, 27, 37, 35, 34, 33, 18, 19, 42, 40, 39, 38, 25 theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2007 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh P thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Lê Trung A bà Nguyễn Thị S.

+ **Về chi phí định giá tài sản tại Tòa án cấp sơ thẩm:**

Ông Lê Trung A đồng ý chịu và đã nộp đủ.

+ **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Lê Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Trung A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Lê Trung A 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0012630 ngày 14/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0015219 ngày 12/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo bản án là Trích lục bản đồ địa chính ngày 21/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh P).

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS TP.P;
- TAND TP.P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Phòng HC – TP;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Hồng